

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HN-ST

Ngày: 02-8-2017

”V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Ty
2. Ông Võ Nhân Nghĩa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2017/TLST – HN, ngày 06/6/2017, về: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2017/QĐXX – ST, ngày 18/7/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1960; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn K, sinh năm: 1961; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà N có mặt. Ông K xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2017, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

1. Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn K tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1984, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/02/1984. Trong quá trình sống chung vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông K không lo làm, thường

xuân uống rượu, cờ bạc, đánh đập bà nhiều lần, bà đã nhẫn nhịn nhiều năm. Khoảng 04- 05 năm nay bà và ông K tuy không ly hôn nhưng không còn sống chung với nhau nữa. Trong tháng 6/2017, ông K tiếp tục đến nhà và đánh bà, đập phá tài sản trong nhà. Nay không thể tiếp tục chịu đựng được nữa nên xin ly hôn.

2. Về con chung: Lê Văn T, sinh năm 1985; Lê Thị D, sinh năm 1988; Lê Thị N, sinh năm 1991, đều đã trưởng thành, có gia đình riêng, không yêu cầu Tòa giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2017, bị đơn ông Lê Văn K trình bày:

1. Về hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà N. Tuy ông và bà N không sống chung với nhau đã 04 – 05 năm nay, mỗi người có nhà riêng, sinh hoạt riêng nhưng ông không có lỗi với bà N. Ông và bà N chỉ mâu thuẫn cự cãi nhau 01 lần gần đây, ông có đánh bà N 01 bạt tay và đập bình thủy xuống đất. Còn trước đây do ông với bà N sống riêng nên ông không có đánh đập bà N.

2. Về con chung: Lê Văn T, sinh năm 1985; Lê Thị D, sinh năm 1988; Lê Thị N, sinh năm 1991, đều đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

Ông không cung cấp chứng cứ, không yêu cầu nhận chứng cứ do bà N cung cấp và xin cho ông vắng mặt tất cả các lần Tòa án mời.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng về thẩm quyền thụ lý vụ án; ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho Viện kiểm sát đúng quy định; quá trình thu thập chứng cứ đúng quy định; kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định; thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định; nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N; con chung đã trưởng thành; tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; nợ chung không có, không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hôn nhân và gia

đình về ly hôn”; trong đó xác định bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn, ông Lê Văn K là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của ông Lê Văn K tại phiên tòa: Ông K có đơn xin vắng do bận công việc nên Tòa án xét xử vắng mặt ông K là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N, thấy rằng:

Mặc dù bà N và ông K là vợ chồng có thời gian dài sống chung, có với nhau 03 người con đều đã trưởng thành nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã, xô sát. Khoảng hơn 04 năm nay, bà N và ông K không còn sống chung với nhau nữa. Bà N đã từng nộp đơn đề nghị Tổ hòa giải ấp T, xã T tiến hành hòa giải giữa bà với ông K vào ngày 03/5/2016, tuy kết quả hòa giải thành nhưng cả 02 đều không có thiện chí trở về sống chung với nhau. Ông K thừa nhận trong 01 lần cãi vã gần đây ông có đánh bà N 01 bực tay.

Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn và lấy lời khai của đại diện các cấp chính quyền tại xã T cho thấy: Có phát sinh mâu thuẫn giữa bà N và ông K; mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài; cả hai có cãi nhau, đánh nhau, mặc dù kết quả lần hòa giải năm 2016 thành nhưng thời gian gần đây các bên lại phát sinh tranh cãi khác.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Tuy nhiên xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà N và ông K không đạt được, từng xảy ra cự cãi, xô sát, đã có thời gian dài không còn sống chung, hiện nay cũng không có biện pháp hàn gắn và thiện chí đoàn tụ. Ông K mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không muốn đến Tòa gặp gỡ, trao đổi và hòa giải với bà N. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2015, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N với ông K là phù hợp.

2. Về con chung: Lê Văn T, sinh năm 1985; Lê Thị D, sinh năm 1988; Lê Thị N, sinh năm 1991, đều đã trưởng thành, bà N và ông K không yêu cầu, không xem xét.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Cả hai không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Cả hai trình bày không có, không giải quyết.

Các bên không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét, giải quyết.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N.

Cụ thể tuyên:

1/ Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lê Văn K.

2. Về con chung: Lê Văn T, sinh năm 1985; Lê Thị D, sinh năm 1988; Lê Thị N, sinh năm 1991, đều đã trưởng thành, bà N và ông K không yêu cầu, không xem xét.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Bà N và ông K không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: bà N và ông K trình bày không có, không giải quyết.

5/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), bà Nguyễn Thị N phải chịu. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007862, ngày 06/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS h. Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Dương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thúy Hằng